

Số: /BC -UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022 trên địa bàn huyện Tủa Chùa (Tính đến thời điểm 31/12/2022)

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/5/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Thực hiện Công văn số 2108/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 09/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2022. UBND huyện Tủa Chùa báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn huyện với các nội dung, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU

1. Tình hình tổ chức thực hiện

a. Công tác chỉ đạo

- Căn cứ Điều 34 của Luật Đất đai 2013; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thực hiện Công văn số 2108/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 09/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2022. UBND huyện Tủa Chùa đã ban hành Văn bản số 1191/UBND-TNMT ngày 07/12/2022 về triển khai thực hiện thống kê diện tích đất đai năm 2022. UBND đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên & Môi trường, Trung tâm quản lý đất đai và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ địa chính các xã, thị trấn thực hiện công tác thống kê đất đai tính đến thời điểm 31/12/2022 theo đúng quy định.

b. Thời gian thực hiện thống kê đất đai: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

c. Sản phẩm thống kê đất đai

- Được thực hiện theo quy định tại Điều 05; Điều 07 và Điều 19 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường quy định về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Các biểu thống kê đất đai của huyện Tủa Chùa đã thực hiện:

- Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 02/TKĐĐ, Biểu 03/TKĐĐ, Biểu 04/TKĐĐ, Biểu 10/TKĐĐ, Biểu 11/TKĐĐ; Biểu 12/TKĐĐ; Biểu 14/TKĐĐ và Biểu 15/TKĐĐ

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Phương pháp thu thập số liệu

+ Tài liệu thống kê đất đai trên địa bàn huyện Tủa Chùa năm 2021.
+ Tài liệu các dự án, công trình đã thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn
+ Các tài liệu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt.

+ Biểu thống kê, kiểm kê đất đai của huyện được thu thập, tổng hợp trực tiếp từ biểu kiểm kê đất đai năm 2019, thống kê đất đai 2021; số liệu này được đối soát trên bản đồ nền, bản đồ ảnh vệ tinh và được rà soát với thực địa;

+ Số liệu thống kê đất đai được tính toán trên kết quả so sánh, tổng hợp trên các tài liệu thu thập được tại địa bàn; kết quả tổng hợp kiểm kê, thống kê đất đai phù hợp với hiện trạng quản lý và sử dụng đất tại địa phương.

II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2022

1. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2022

Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện là: 68.414,88 ha, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp 64.126,47 ha, chiếm 93,73% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện.

- Nhóm đất phi nông nghiệp 3.496,41 ha, chiếm 5,01% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện.

- Nhóm đất chưa sử dụng 792,0 ha, chiếm 1,16% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện.

(Chi tiết tại Biểu 01-TKĐĐ)

1.1. Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp

Năm 2022, diện tích đất nông nghiệp của huyện có 64.126,47 ha, chiếm 93,73% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện, được phân bổ như sau:

a) Diện tích đất sản xuất nông nghiệp: 37.749,98 ha, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm: 36.528,01 ha.

+ Đất trồng lúa: 6.651,63 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 29.876,38 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 1.221,97 ha.

b) Diện tích đất lâm nghiệp: 26.295,66 ha, trong đó:

- Đất rừng sản xuất: 7.779,35 ha.

- Đất rừng phòng hộ: 18.516,31 ha.

c) Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 78,79 ha.

(Chi tiết tại biểu 02-TKDD)

1.2. Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp

Năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp của toàn huyện là 3.496,41 ha, chiếm 5,01% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện, được phân bổ như sau:

a) Đất ở: 413,16 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 345,11 ha.
- Đất ở tại đô thị: 68,05 ha.

b) Đất chuyên dùng: 918,02 ha, trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 7,55 ha.
- Đất quốc phòng: 4,63 ha.
- Đất an ninh: 0,92 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 49.68 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 20,16 ha.
- Đất có mục đích công cộng: 835,07 ha.

c) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ (NHT): 52,85 ha.

d) Đất sông suối, kênh, rạch, suối: 2.105,54 ha.

e) Đất phi nông nghiệp khác: 0,09 ha.

(Chi tiết tại Biểu 03-TKDD)

1.3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng

Năm 2022, đất chưa sử dụng trên địa bàn toàn huyện có 792,0 ha, chiếm 1,16% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Trong đó:

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng: 2,05 ha.
- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng: 610,92 ha.
- Núi đá không có rừng cây: 179,03 ha.

(Chi tiết tại Biểu 01 - TKDD)

2. Tình hình biến động đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện tính đến 31/12/2022 là 68.414,88 ha, so với số liệu thống kê đất đai 2021, diện tích đất tự nhiên toàn huyện không thay đổi.

2.1. Biến động về mục đích sử dụng đất từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

- Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích nhóm đất nông nghiệp năm 2022 giảm 32,06 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp năm 2022 tăng 32,36 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

- Nhóm đất chưa sử dụng: Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 giảm 0,3 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

2.2. Đánh giá tình hình biến động đất đai từ 01/01/2022 đến 31/12/2022: Qua kết quả thống kê đất đai từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 cho thấy tình hình biến động đất đai trên địa bàn toàn huyện như sau:

2.2.1. Đất trồng lúa: Diện tích đất trồng lúa năm 2022 giảm 2,16 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng

2.2.1. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 25,92 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 25,85 ha
- Đất ở tại đô thị: 0,07 ha

2.2.3. Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2022 giảm 3,84 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng

2.2.4. Đất rừng sản xuất: Diện tích đất rừng sản xuất năm 2022 giảm 0,14 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng

2.2.5. Đất rừng phòng hộ: Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2022 không thay đổi so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

2.2.6. Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 không thay đổi so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

2.2.7. Đất ở nông thôn: Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2022 giảm 0.49 ha so với năm 2021 do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng

2.2.8. Đất ở đô thị: Diện tích đất ở tại đô thị năm 2022 tăng 0,07 ha so với năm 2021 do chuyển đổi mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác sang

2.2.9. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 không thay đổi so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

2.2.10. Đất an ninh: Diện tích đất an ninh năm 2022 không thay đổi so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

2.2.11. Đất có mục đích công cộng: Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2022 tăng lên 33,78 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021

2.2.12. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa năm 2022 không thay đổi so với kết quả thống kê đất đai năm 2021.

2.2.13. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2022 tăng lên 1,0 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021

2.2.14. Đất đồi núi chưa sử dụng: Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng năm 2022 giảm 0,3 ha so với kết quả thống kê đất đai năm 2021 do chuyển sang sử dụng vào mục đích đất công cộng.

(Chi tiết tại biểu 01, 12, 14)

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

- Công tác thống kê đất đai hàng năm là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời về diện tích các loại đất, đối tượng sử dụng đất tại thời điểm thống kê. Thông qua công tác thống kê đất đai mỗi cấp đều đánh giá được kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đồng thời trên cơ sở đó tiến hành hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và có biện pháp xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các năm tiếp theo.

- Việc thống kê đất đai năm 2022 của huyện Tủa Chùa đã thực hiện đạt kết quả theo đúng mục đích, nội dung, phương pháp theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Sản phẩm thống kê đất đai năm 2022 được thực hiện từ cấp xã là những số liệu được điều tra kết hợp với số liệu qua các kỳ kiểm kê, thống kê đất đai hàng năm, giao đất, thu hồi đất, nên có độ chính xác và tin cậy, diện tích các loại đất của cấp huyện được tổng hợp từ diện tích cấp xã nên đã phản ánh trung thực hiện trạng sử dụng đất của từng đơn vị hành chính trong huyện.

3.2. Kiến nghị: Hiện nay việc thực hiện số liệu thu thập, kiểm tra đối soát với thực địa được tiến hành tính toán, thống kê, xử lý trên phần mềm TK Desktop (là phần mềm phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên & Môi trường) và các phần mềm chuyên dụng khác để thiết lập hệ thống biểu mẫu kiểm kê đất đai năm 2019. Do đó để công tác thống kê, kiểm kê đất đai đạt hiệu quả hơn nữa UBND huyện Tủa Chùa đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường mở các khoá tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về thống kê, kiểm kê đất đai để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và các công chức địa chính cấp xã.

Trên đây là Báo cáo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022 trên địa bàn huyện Tủa Chùa của UBND huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng ĐKQSDĐ-Sở TNMT;
- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND huyện (b/c);
- Lđ. UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Trung tâm QLĐĐ huyện;
- UBND các xã, thị trấn
- Lưu: VT, TNMT.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tuấn